

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2022/DS-ST

Ngày 18 tháng 7 năm 2022

“V/v hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong các ngày 15, 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST- DS ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh Đoàn Vũ T; Sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Đường Võ Văn K, khóm , phường Tân X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ là Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV Công Hùng và Cộng sự tại Cà Mau.

** Bị đơn:*

1/ Bà Phan Ngọc Đ; Sinh năm: 1966;

2/ Chị Lê Thị Ngọc H; sinh năm 1989;

3/ Anh Lý Túc Ph; Sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Số , đường Lâm Thành M, khóm , phường , thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 1988.

Đại diện ủy quyền cho chị Nh: Anh Đoàn Vũ T sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Đường Võ Văn K, khóm , phường Tân X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;

(Tại phiên tòa nguyên đơn; đại diện ủy quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn; bị đơn có

mặt; chị Nh vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Đoàn Vũ T trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:*

Do chị H là cháu vợ của anh T, nên chị H có vay của anh T, tổng 05 lần:

Lần 01 ngày 27/8/2020 al, số tiền 1.200.000.000 đồng,

Lần 02 ngày 19/10/2020 al, số tiền 200.000.000 đồng,

Lần 03 ngày 08/12/2020 al số tiền 200.000.000 đồng,

Lần 04 ngày 28/02/2021 al số tiền 300.000.000 đồng,

Lần 05 ngày 29/03/2021 al số tiền 100.000.000 đồng,

Tổng cộng vốn 2.000.000.000 đồng, việc thỏa thuận lãi không ghi vào biên nhận mà thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Các lần vay đều có viết biên nhận nợ.

Quá trình vay đã đóng lãi các lần:

- Lần 1 đóng lãi đến ngày 27/02/2021 al với số nợ 1.200.000.000 đồng, bằng 144.000.000 đồng.

* Lãi đến 04/2022 bằng 14 tháng x 20%/năm 280.000.000 đồng chưa đóng.

- Lần 2 đóng lãi đến ngày 19/02/2021 al với số nợ 200.000.000 đồng; đóng được 16.000.000 đồng.

* Lãi đến 19/02/2021 14 tháng bằng 20%/năm 46.600.000 đồng chưa đóng.

- Lần 3 đóng lãi từ ngày 08/02/2021 al với số nợ 200.000.000 đồng; đóng được 8.000.000 đồng.

* Lãi từ ngày 08/02/2021 đến ngày 08/5/2022 al 15 tháng bằng 20%/năm 50.000.000 đồng chưa đóng.

- Lần 4 đóng lãi đến ngày 28/02/2021 al với số nợ 300.000.000 đồng; chưa đóng lãi.

* Lãi từ ngày 28/02/2021 đến ngày 28/4/2022 al 14 tháng bằng 20%/năm 70.000.000 đồng chưa đóng.

- Lần 5 đóng lãi đến ngày 29/03/2021 al với số nợ 100.000.000 đồng; chưa đóng lãi.

* Lãi từ ngày 29/03/2021 đến ngày 29/4/2022 al 13 tháng bằng 20%/năm 21.600.000 đồng chưa đóng.

Vào ngày 28/5/2021 bà Diệp có viết tờ cam kết trả nợ cho chị H, anh Ph hẹn 28/4/2022 al bà Đ trả nợ gốc 2.000.000.000 đồng và lãi suất 360.000.000 đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh T yêu cầu anh P, chị H, bà Đ trả số tiền vốn 2.000.000.000 đồng, lãi 468.200.000 đồng. Tổng vốn và lãi bằng 2.468.200.000 đồng. Tại phiên tòa anh T đồng ý đối trừ số tiền lãi đã đóng bằng 168.000.000 đồng, số tiền còn lại yêu cầu vốn 2.000.000.000 đồng và lãi 469.900.000 đồng, tính lãi 20%/năm. Tại phiên tòa anh T đồng ý điều chỉnh lãi suất 10%/năm.

** Anh Lý Túc Ph, chị Lê Thị Ngọc H, bà Phan Ngọc Đ là bị đơn trình bày:*

Chị H, anh Ph, bà Đ thừa nhận có ký tên vào các biên nhận nợ tổng số tiền 2.000.000.000 đồng, nhưng vay nhiều lần không phải 05 lần, thời gian trả lãi từ

tháng 01,02,03/2019 số tiền vay 250.000.000 đồng vốn, trả lãi 12.500.000 đồng, đến tháng 4 vay thêm 200.000.000 đồng, trả lãi tháng 4 bằng 22.500.000 đồng; Tháng 4, 5, 6 đóng lãi 22.500.000 đồng; Tháng 7 đóng lãi 27.500.000 đồng; Tháng 8 đóng lãi 30.000.000 đồng, vốn 600.000.000 đồng; Tháng 9,10,11,12 đóng lãi 32.500.000 đồng, vốn 650.000.000 đồng; Tháng 01/2020 đóng lãi 32.500.000 đồng, vốn 650.000.000 đồng; Tháng 2 chia lần đóng 20.000.000 lãi của 400.000.000 đồng, ngày 25 tháng 2 đóng 15.000.000 đồng của 300.000.000 đồng vốn; Tháng 3 ngày 10 đóng 20.000.000 đồng lãi có 400.000.000 đồng vốn, ngày 25 đóng 15.000.000 đồng của 300.000.000 đồng; Tháng 4 ngày 10 đóng lãi 20.000.000 đồng vốn 400.000.000 đ, ngày 25 đóng 15.000.000 đ của 300.000.000 đ tiền vốn; Tháng 4 ngày 10 đóng lãi 25.000.000 đ vốn 500.000.000 đ, ngày 25 đóng 15.000.000 đ của 300.000.000 đ tiền vốn; Tháng 5,6,7 ngày 10 đóng lãi 25.000.000 đ, vốn 500.000.000 đ, ngày 20 đóng 5.000.000 đ của 100.000.000 đ, ngày 25 đóng lãi 17.500.000 đồng, vốn 350.000.000 đ; Tháng 8,9,10 ngày 10 đóng lãi 30.000.000đ, vốn 600.000.000 đồng, ngày 20 đóng 30.000.000 đồng, 600.000.000 đ vốn; Tháng 11 ngày 10 đóng lãi 30.000.000 đ, vốn 600.000.000 đ, ngày 20 đóng 30.000.000 đồng, 600.000.000 đ vốn. Ngày 25 đóng 15.000.000 đ của 300.000.000 đ vốn; Tháng 12 ngày 10 đóng lãi 30.000.000 đ, vốn 600.000.000 đ, ngày 20 đóng 30.000.000 đồng, 600.000.000 đ vốn. Ngày 25 đóng 15.000.000 đ của 300.000.000 đ vốn; Tháng 01, 02/2021 ngày 10 đóng lãi 30.000.000đ, vốn 600.000.000đ, ngày 20 đóng 30.000.000 đồng, 600.000.000 đ vốn. Ngày 25 đóng 15.000.000 đ của 300.000.000 đ vốn và Lãi 05 triệu của 100.000.000 đ vốn; Tháng 3/2021 đóng 100.000.000 đ lãi vốn 2.000.000.000 đ; Tháng 4/2021 đóng 100.000.000 đ lãi vốn 2.000.000.000đ; Tất cả các khoản vay lãi suất 5%/tháng không có biên nhận.

Anh T yêu cầu các bị đơn đồng ý trả vốn bằng 2.000.000.000 đồng và yêu cầu đối trừ số lãi đã đóng bằng 1.302.500.000 đồng. Không đồng ý anh T yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự ông Trần Văn Đ trình bày: Yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng, lãi suất đồng ý điều chỉnh 10%/năm và đồng ý đối trừ số tiền lãi đã nhận 168.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất tiền vốn, không thống nhất tiền lãi đã đóng và mức lãi suất thỏa thuận và thời gian vay nên các bên phát sinh tranh chấp.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng tờ biên nhận nợ ghi ngày 27/8/2020 al bị đơn anh Lý Túc P, chị Lê Thị Ngọc H có ký tên vào tờ biên nhận với số tiền 1.200.000.000 đồng; ngày 19/10/2020 al nhận thêm 200.000.000 đồng,

đến ngày 08/12/2020 al nhận thêm 200.000.000 đồng; đến ngày 28/02 al 300.000.000 đồng; ngày 29/03/2021 al có nhận 100.000.000 đồng, các lần vay này viết cùng 01 biên nhận nợ, trong biên nhận nợ không thỏa thuận lãi suất các lần vay.

Đến ngày 28/5/2021 bà Phan Ngọc Đ, nhận nợ cho anh Lý Túc Ph trả số tiền 2.000.000.000 đồng hẹn đến ngày 28/4/2022 al trả hết số tiền vốn, về phần lãi 360.000.000 đồng trả sau khi thanh toán xong tiền vốn.

Đây là các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp bị đơn thừa nhận đã ký tên vào các biên nhận cũng như mỗi lần vay; đối với bị đơn cung cấp biên nhận nợ số tiền 600.000.000 đồng, vào ngày 10/6/2019 al người vay chị H và anh Ph và Sở theo dõi các lần đóng lãi từ năm 2019 đến năm 2021 cho ông T.

[3] Tại phiên tòa các đương sự thống nhất số tiền vốn vay 2.000.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả lãi với số tiền 168.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng, đối với phía bị đơn không đồng ý trả lãi với số tiền trên mà cho rằng đã trả lãi bằng 1.302.500.000 đồng với lãi suất 5%/tháng, việc đóng lãi từ khi bắt đầu vay từ tháng 01/2019 kết thúc vay tháng 02/2021.

Đối với việc thỏa thuận lãi các bên không thống nhất, đối chiếu theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tại Khoản 2 có ghi các bên tranh chấp lãi suất, thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ Luật dân sự. Do nguyên đơn thừa nhận có nhận lãi bằng 168.000.000 đồng, với lãi suất 2%/tháng và bị đơn cho rằng lãi suất 5%/tháng số tiền 1.302.500.000 đồng, cho nên cần điều chỉnh lãi suất 10%/năm theo quy định.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

- Lần 1 vay 27/8/2020 al đến ngày xét xử 15/7/2022 (ngày 17/6/2022 al) bằng 21 tháng x 1.200.000.000 đồng x 20%/năm = bằng 420.000.000 đồng.

- Lần 2 ngày 19/10/2020 al đến ngày xét xử 15/7/2022 (ngày 17/6/2022 al) bằng 19 tháng x 200.000.000 đồng x 20%/năm = bằng 33.300.000 đồng.

- Lần 3 ngày 08/12/2020 al đến ngày xét xử 15/7/2022 (ngày 17/6/2022 al) bằng 17 tháng x 200.000.000 đồng x 20%/năm = bằng 56.600.000 đồng.

- Lần 4 ngày 28/2/2021 al đến ngày xét xử 15/7/2022 (ngày 17/6/2022 al) bằng 15 tháng x 300.000.000 đồng x 20%/năm = bằng 75.000.000 đồng.

- Lần 5 ngày 29/3/2021 al đến ngày xét xử 15/7/2022 (ngày 17/6/2022 al) bằng 14 tháng x 100.000.000 đồng x 20%/năm = bằng 23.000.000 đồng.

Tổng lãi bằng 469.900.000 đồng đã đối trừ vào lãi trả 168.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất thời gian yêu cầu tính lãi từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm.

Do nguyên đơn tính lãi 20%/năm đối chiếu quy định pháp luật điều chỉnh lãi suất tính 10%/năm do các bên tranh chấp lãi.

[4] Cụ thể điều chỉnh như sau:

- Lần 1 vay 27/8/2020 al đến ngày xét xử 15/7/2022 (ngày 17/6/2022 al) bằng 21 tháng x 1.200.000.000 đồng x 10%/năm = bằng 210.000.000 đồng.

- Lần 2 ngày 19/10/2020 al đến ngày xét xử 15/7/20220 (ngày 17/6/2022 al)
bằng 19 tháng x 200.000.000 đồng x 10%/năm = bằng 31.667.000 đồng.

- Lần 3 ngày 08/12/2020 al đến ngày xét xử 15/7/20220 (ngày 17/6/2022 al)
bằng 17 tháng x 200.000.000 đồng x 10%/năm = bằng 28.333.000 đồng.

- Lần 4 ngày 28/2/2021 al đến ngày xét xử 15/7/20220 (ngày 17/6/2022 al)
bằng 16 tháng x 300.000.000 đồng x 10%/năm = bằng 40.000.000 đồng.

- Lần 5 ngày 29/3/2021 al đến ngày xét xử 15/7/20220 (ngày 17/6/2022 al)
bằng 15 tháng x 100.000.000 đồng x 10%/năm = bằng 12.500.000 đồng.

Tổng lãi bằng 210.000.000 đồng + 31.667.000 đồng + 28.333.000 đồng + 40.000.000 đồng + 12.500.000 đồng = 322.500.000 đồng.

Đổi trừ vào số lãi bị đơn đã trả mà nguyên đơn thừa nhận bằng 168.000.000 đồng vào số tiền lãi mà bị đơn phải trả 322.500.000 đồng. Số tiền lãi còn lại 154.500.000 đồng.

Tổng vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn bằng 2.154.500.000 đồng.

Đối với việc điều chỉnh lãi anh T thống nhất nhận số tiền lãi suất 10%/năm và đổi trừ số tiền lãi bị đơn đã trả 168.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại 154.500.000 đồng.

[5] Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu của anh T buộc anh P, chị H, bà Đ thanh toán cho anh T và chị N bằng 2.000.000.000 đồng vốn và lãi bằng 154.500.000 đồng.

[6] Do không có chứng cứ mà phía bị đơn cho rằng đã trả lãi suất 1.302.500.000 đồng cho nguyên đơn nên yêu cầu đặt ra của các bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải nộp án phí trên số tiền mà nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 143 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Vũ T.

Buộc anh Lý Túc Ph; bà Phan Ngọc Đ; chị Lê Thị Ngọc H thanh toán cho anh Đoàn Vũ T và chị Nguyễn Kim Nh số tiền bằng 2.154.500.000 đồng (Hai tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày anh Đoàn Vũ T, chị Nh có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lý Túc Ph; bà Phan Ngọc Đ; chị Lê Thị Ngọc H không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Đoàn Vũ T không phải nộp án phí vào ngày 07/6/2022, anh T đã dự nộp số tiền 40.682.000 đồng, theo biên lai thu số 1496 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được hoàn lại toàn bộ.

Anh Lý Túc Ph; bà Phan Ngọc Đ; chị Lê Thị Ngọc H phải nộp án phí 75.090.000 đồng (chưa nộp).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau.

Đã Ký

Nguyễn Thị Thắm